TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **970**/2020/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11,12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Sau khi nhiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1565/2020/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông **Trần Vĩnh T,** sinh năm 1978.

Địa chỉ: 199/20/20, khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà **Đoàn Phạm Thuỳ L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 199/20/20, khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là 02 cháu Trần Đoàn Anh T, sinh ngày 04/6/2004 và Trần Đoàn Anh T, sinh ngày 15/12/2008. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Hôn nhân và gia đình - ST: Ông Trần Vĩnh T và bà Đoàn Phạm Thuỳ L phải chịu 300.000đ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vĩnh T và bà Đoàn Phạm Thuỳ L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu 02 cháu Trần Đoàn Anh T, sinh ngày 04/6/2004 và Trần Đoàn Anh T, sinh ngày 15/12/2008 cho bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*), kể từ tháng 7/2020 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, ông Tấn có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác:

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Vĩnh T và bà Đoàn Phạm Thuỳ L phải chịu 300.000đ lệ phí. Số tiền này được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0009641 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu: hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Xuân